

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng  
nhà làm việc thuộc trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức;  
nhà làm việc thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp thuộc  
phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;*

*Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tại Công văn số 866/HĐND-KTNS ngày 26 tháng 9 năm 2019 về định mức diện tích chuyên dùng nhà làm việc thuộc trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức; nhà làm việc thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý thành phố Đà Nẵng;*

*Xét Tờ trình số 117/TTr-STC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Sở Tài chính về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng nhà làm việc thuộc trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức; nhà làm việc thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng và Công văn số 3335/STC-GCS ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Sở Tài chính liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; Công văn số 1834/SXD-QLN ngày 14 tháng 3 năm 2019, Công văn số 3574/SXD-QLN ngày 14 tháng 5 năm 2019 và Công văn số 4303/SXD-QLN ngày 06/6/2019 của Sở Xây dựng; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 2324/STP-XDKTVB ngày 24 tháng 6 năm 2019; ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên họp ngày 14/8/2019,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng nhà làm việc thuộc trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức; nhà làm việc thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng. JPZV

2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan nhà nước; Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động; Đơn vị sự nghiệp công lập; Ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

**Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng nhà làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị:** Chi tiết tại phụ lục kèm theo.

### **Điều 3. Xử lý chuyển tiếp**

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức; nhà làm việc thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Quyết định có hiệu lực thì không xác định lại diện tích chuyên dùng theo tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Quyết định này.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã xây dựng trụ sở làm việc, nhà làm việc thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp có diện tích chuyên dùng cao hơn theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Điều 2 Quyết định thì tiếp tục sử dụng; khi đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại Quyết định này.

### **Điều 4. Trách nhiệm và tổ chức thực hiện**

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm quản lý, sử dụng diện tích chuyên dùng theo đúng tiêu chuẩn, định mức này và các quy định có liên quan.

2. Sở Tài chính có ý kiến bằng văn bản về tiêu chuẩn, định mức đối với trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức; nhà làm việc thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng khi đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp theo quy định tại Quyết định này và các văn bản khác có liên quan.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25/10/2019

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và UBND thành phố, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư Pháp;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- TT TU, TT HĐND thành phố;
- UB MTTQVN thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành;
- Các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các BQL dự án ĐTXD;
- UBND các quận, huyện;
- Báo Đà Nẵng, báo Công an TPĐN;
- Đài Phát thanh - Truyền hình ĐN;
- Công TTĐT thành phố ĐN;
- VP ĐQBQ, HĐND và UBND TP:  
KTTC, ĐTĐT;
- Lưu: VT, STC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Đức Thọ

## PHỤ LỤC

### TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG NHÀ LÀM VIỆC THUỘC TRỤ SỞ LÀM VIỆC CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC; NHÀ LÀM VIỆC THUỘC CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Quyết định số 44 /2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10  
năm 2019 của UBND thành phố Đà Nẵng)



TT	Loại diện tích chuyên dùng	Đơn vị tính	Diện tích tối đa		
			Cấp thành phố	Cấp quận, huyện	Cấp phường, xã
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	m <sup>2</sup> /cơ quan, tổ chức, đơn vị	100	150	80
2	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân	m <sup>2</sup> /cơ quan, tổ chức, đơn vị	100	50	40
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	m <sup>2</sup> /cơ quan, tổ chức, đơn vị	100	50	50
4	Diện tích Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên)	m <sup>2</sup> /chỗ ngồi	2,0	2,0	2,0
5	Diện tích kho chuyên ngành	m <sup>2</sup> /cơ quan, tổ chức, đơn vị	200	150	100
6	Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù (trục ban phòng chống thiên tai, chống cháy nổ, truyền thanh truyền hình...)	m <sup>2</sup> /cơ quan, tổ chức, đơn vị	100	100	100